FireAnt

CTCP Quốc tế Hoàng Gia (UPCOM: RIC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
SL cổ phiếu LH	70,368,754
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,975
% sở hữu nước ngoài	11.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	324
P/E	-27.3
EPS	-169

	YTD	1T	3T	6T
RIC	31.4%	2.2%	39.4%	35.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

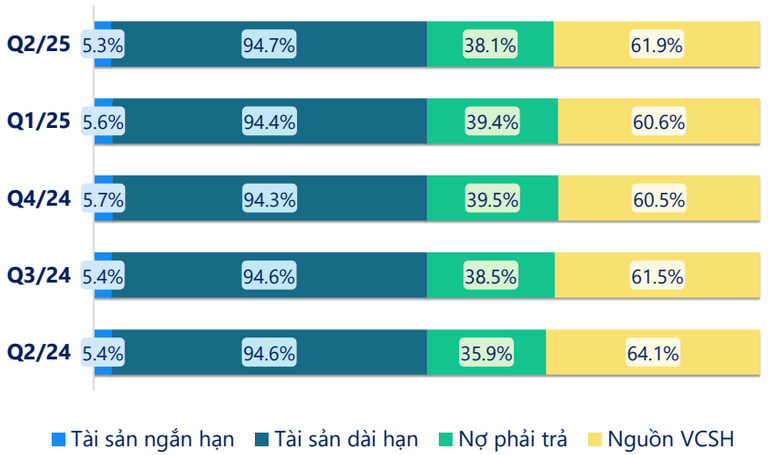

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

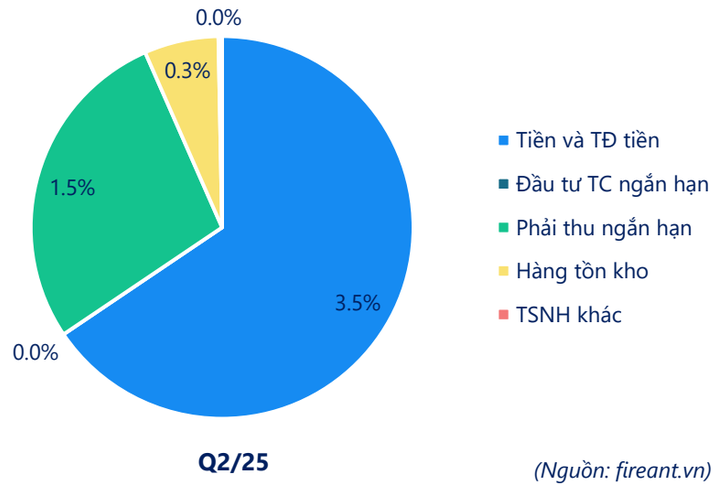

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

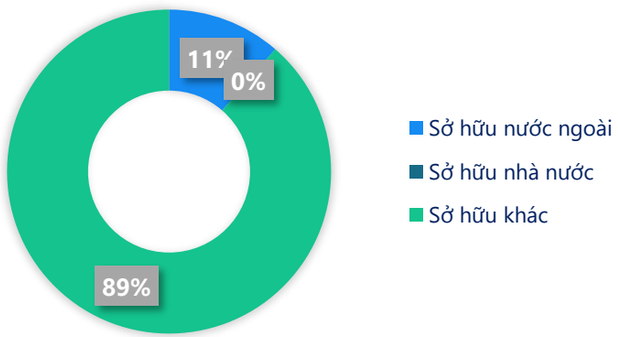

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

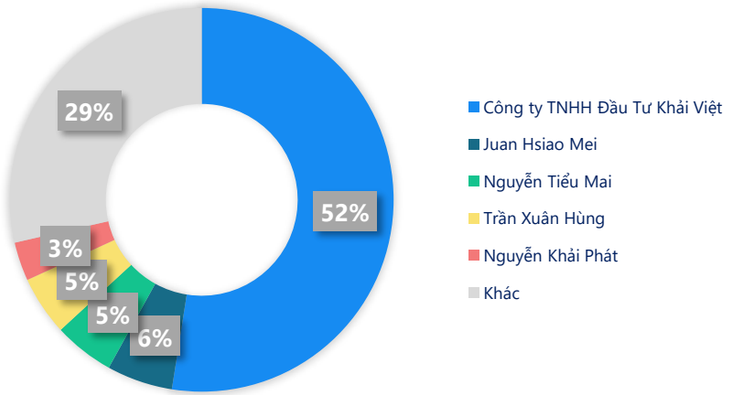

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

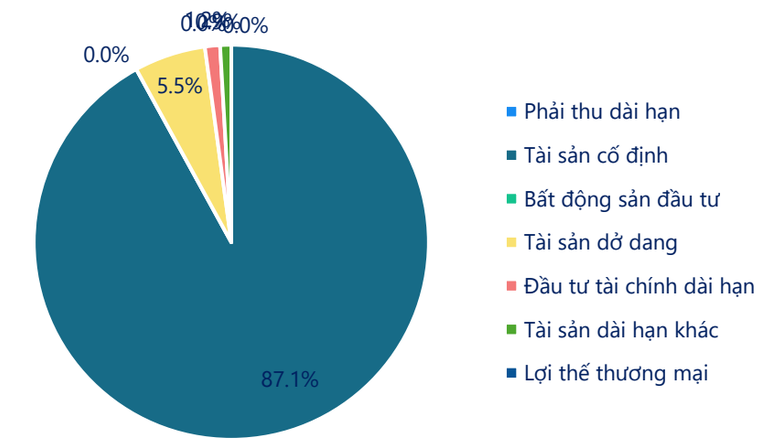

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Hoàng Gia (UPCOM: RIC)

Tiền và tương đương tiền

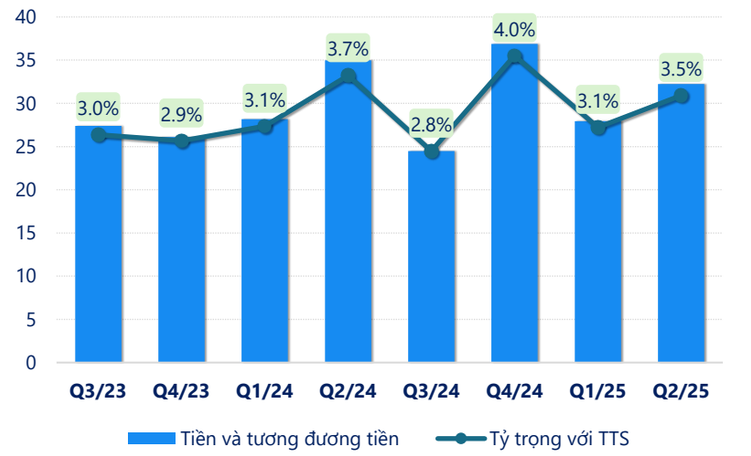

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

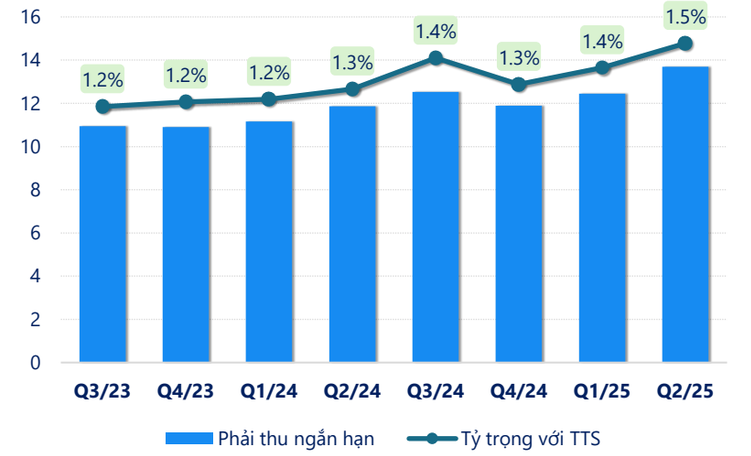

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

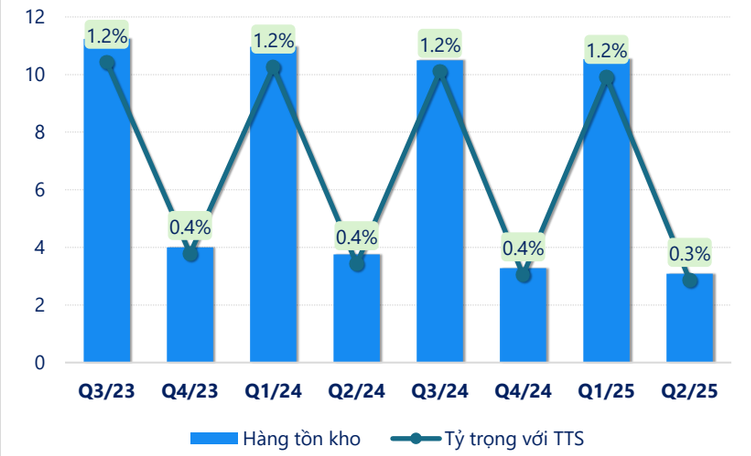

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

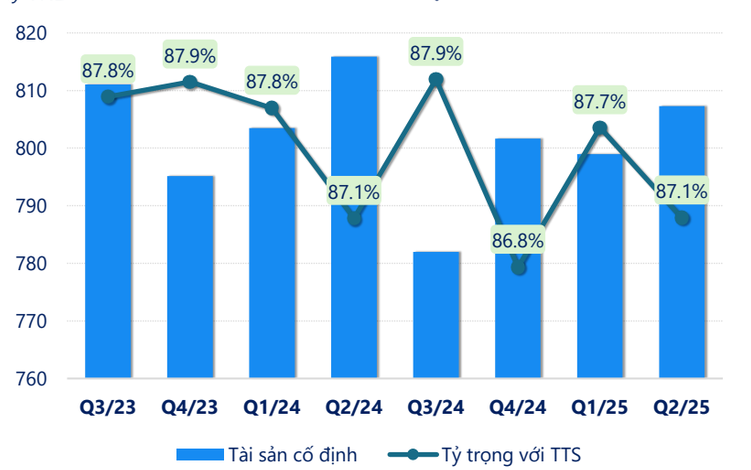

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

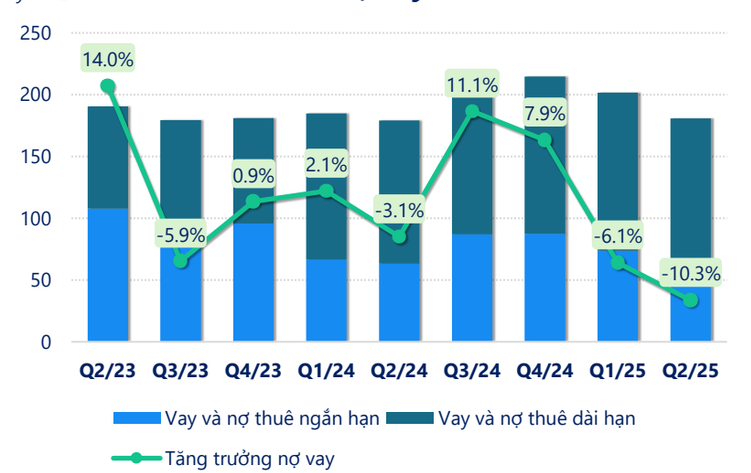

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

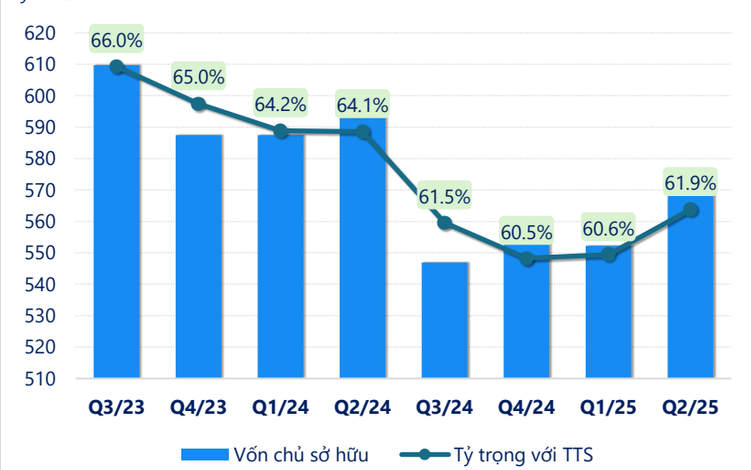

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Hoàng Gia (UPCOM: RIC)

Kết quả kinh doanh

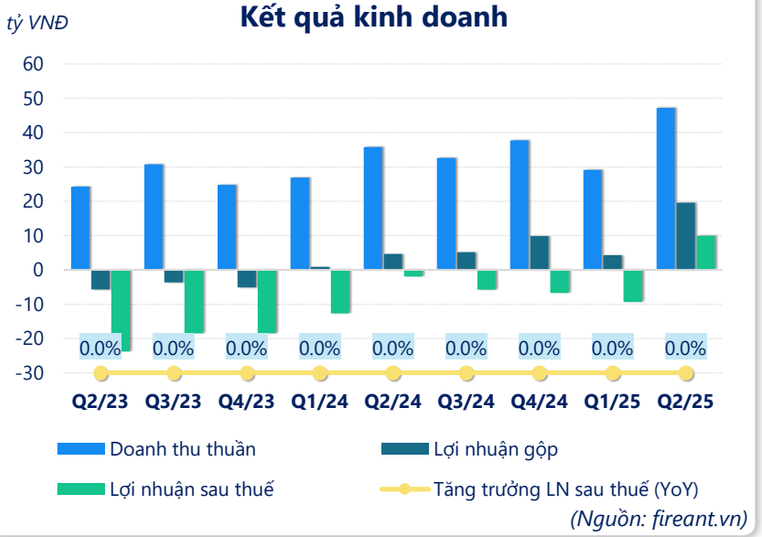

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

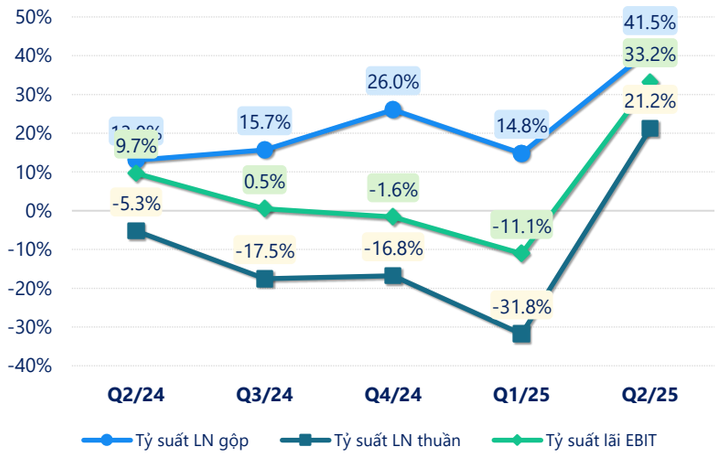

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

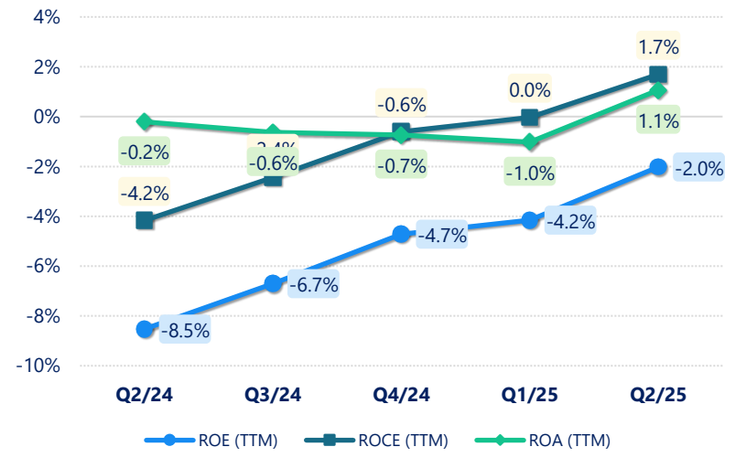

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

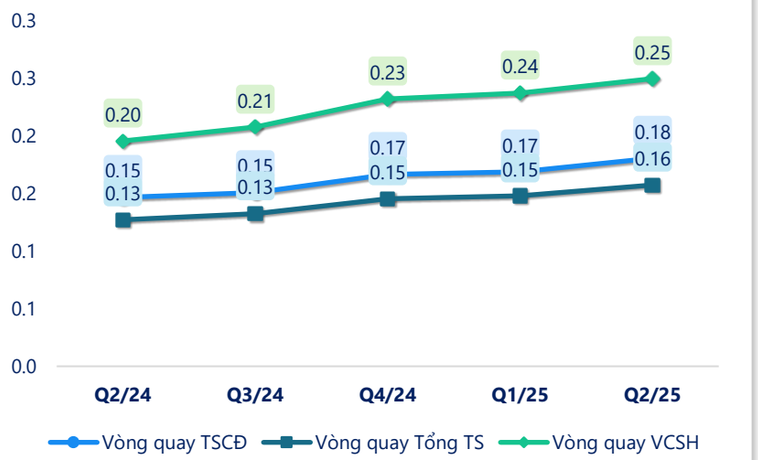

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

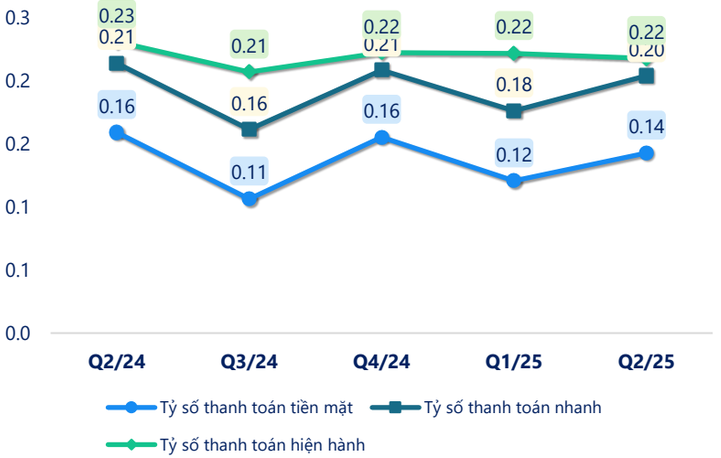

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

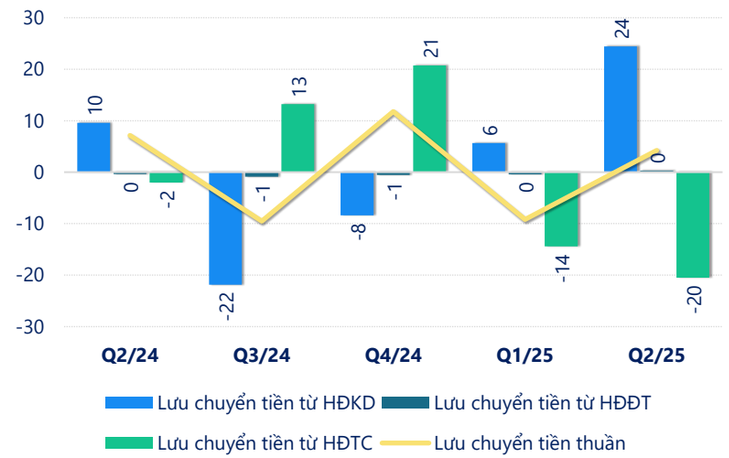

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Hoàng Gia (UPCOM: RIC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**927**	**923**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	49.2	52.8	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	32.2	36.9	-12.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13.7	11.9	15.2%
Hàng tồn kho	3.09	3.28	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.15	0.73	-79.1%
Tài sản dài hạn	**877**	**870**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	807	802	0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.3	49.4	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.9	10.6	2.6%
Tài sản dài hạn khác	**7.96**	**8.62**	**-7.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	353	365	-3.2%
Nợ ngắn hạn	**226**	**238**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.6	87.4	-38.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.06	3.56	13.8%
Nợ dài hạn	127	127	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	127	127	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**573**	**558**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**573**	**558**	**2.7%**
Vốn điều lệ	704	704	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	35.8	32.6	37.7	29.1	47.2
Giá vốn hàng bán	31.1	27.5	27.9	24.8	27.6
Lợi nhuận gộp	4.66	5.12	9.82	4.30	19.6
Doanh thu HĐTC	8.30	3.42	1.62	0.50	5.14
Chi phí TC	5.67	6.24	8.70	6.34	6.20
Chi phí lãi vay	5.35	5.89	6.10	6.13	5.76
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.98	2.79	3.30	2.88	3.19
Chi phí QLDN	6.20	5.24	5.77	4.84	5.33
LN thuần từ HĐKD	-1.88	-5.72	-6.34	-9.26	10.0
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	-0.36	-0.09	-0.10
LN trước thuế	-1.89	-5.73	-6.70	-9.35	9.91
Lợi nhuận sau thuế	-1.89	-5.73	-6.70	-9.35	9.91
LNST của CĐ cty mẹ	-1.89	-5.73	-6.70	-9.35	9.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.56	-21.8	-8.39	5.67	24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.37	-0.87	-0.54	-0.44	0.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.04	13.2	20.7	-14.4	-20.5
Tiền đầu kỳ	28.2	35.0	24.5	36.9	27.9
Lưu chuyển tiền thuần	**7.15**	**-9.52**	**11.8**	**-9.18**	**4.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.33	-0.98	0.64	0.21	0.05
Tiền cuối kỳ	35.0	24.5	36.9	27.9	32.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic